

Số: 19 /CBTT-CPTN

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Thống Nhất
- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Thống Nhất
- Trụ sở chính: Đường số 2A, KCN Bàu Xéo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (0251) 392 4377 Fax: (0251) 392 4692
- Website: www.bauxeo.com.vn
- Người được ủy quyền CBTT: Nguyễn Hữu Trí
- Chức danh: Phó Tổng Giám Đốc kiêm Kế toán trưởng

Loại thông tin công bố:

Định kỳ 24h Bất thường Theo yêu cầu Khác

Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ phần Thống Nhất công bố Báo cáo thường niên năm 2017.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 02/03/2018 tại đường dẫn www.bauxeo.com.vn mục Quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố.

Trảng Bom, ngày 02 tháng 03 năm 2018

Người được Ủy quyền Công bố thông tin

(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)



NGUYỄN HỮU TRÍ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT
Năm 2017

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:3600667859 (số ĐKKD cũ: 4703000095), do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 24/02/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 09/07/2010
- Vốn điều lệ: 82.000.000.000 VNĐ
- Vốn đầu tư :1.322.370.000.000 VNĐ
- Địa chỉ: Đường số 2A – KCN Bàu Xéo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
- Số điện thoại:(84-251) 392 4377
- Số fax: (84-251) 392 4692
- Website:www.bauxeo.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): BAX

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Thống Nhất chính thức đi vào hoạt động ngày 24/02/2004, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000095 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp với sự góp vốn của 03 cổ đông sáng lập: Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tín Nghĩa, nay là Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa, Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam với vốn điều lệ đăng ký là 82 tỷ đồng. Với nhiệm vụ chính là: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp; Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu dân cư, khu dịch vụ; Thi công xây dựng các hạng mục công trình trong Khu công nghiệp, khu dân cư và khu dịch vụ; Dịch vụ tư vấn đầu tư và các dịch vụ kinh doanh khác phục vụ khách hàng đầu tư.

- Tháng 09/2003 Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai chấp thuận chủ trương giới thiệu địa điểm lập dự án đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp, đến tháng 05/2005 Quy hoạch chi tiết được Bộ Xây Dựng chấp thuận.

- Ngày 12/01/2004 Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai có Quyết định số 101/QĐ.CT.UBT v/v thu hồi và tạm giao đất cho Tổng Công ty Tín Nghĩa và Tổng Công ty Cao su Đồng Nai để tiến hành bồi thường giải phóng mặt bằng thành lập Khu công nghiệp Bàu Xéo.

- Ngày 24/11/2006, Thủ tướng Chính phủ cho phép thành lập Khu công nghiệp Bàu Xéo theo Quyết định số 1944/TTg-CN , ngày 29/12/2006, Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh



Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 47221000042 cho phép Công ty Cổ phần Thống Nhất thực hiện Dự án đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Bàu Xéo với tổng diện tích đất theo quy hoạch là 499,8657 ha, vốn đầu tư thực hiện dự án trên 673 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 31/12/2017, có 30 dự án thực hiện thuê đất tại KCN Bàu Xéo, trong đó có 24 dự án đã đi vào hoạt động và 6 dự án đang triển khai. KCN Bàu Xéo thu hút trên 726,5 triệu USD và 375,86 tỷ VND vốn đầu tư đăng ký và tỷ lệ lấp đầy đạt 89,19% diện tích đất công nghiệp cho thuê.

- Ngày 17/12/2008, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 47121000178, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 12/5/2014 cho phép thực hiện Dự án Khu trung tâm dịch vụ Khu Công nghiệp Bàu Xéo với tổng diện tích đất theo quy hoạch là 336.526,2 m², vốn đầu tư thực hiện dự án là 648,69 tỷ đồng. Dự kiến, dự án khu Trung tâm dịch vụ Khu công nghiệp sẽ đem lại doanh thu cho Công ty từ năm 2018. (Theo tiến độ thực hiện dự án được phê duyệt đến năm 2021 là dự án hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng xã hội; bắt đầu từ năm 2018 Công ty sẽ triển khai bán trước đất phân lô bán nền gồm 650 lô đất nền liền kề, 58 lô đất nền biệt thự và căn hộ chung cư nhà ở cho công nhân). Các công trình khác như Trung tâm dịch vụ, nhà văn hóa, phòng khám đa khoa, nhà hàng khách sạn, trường dạy nghề,... Công ty dự kiến sẽ triển khai đến năm 2021 là hoàn thành dự án.

- Ngày 29/12/2016, Công ty đã được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận niêm yết cổ phiếu lên Sàn Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 899/QĐ-SGDHN và chính thức niêm yết 8.2 triệu cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) từ ngày 24/3/2017.

- Các sự kiện khác:

Công ty được miễn giảm tiền thuê đất trong thời gian 11 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất và được miễn tiền thuê đất trong suốt thời gian thực hiện dự án đối với đất dùng cho hạ tầng kỹ thuật, cây xanh.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

- + Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp;
 - + Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu dân cư, khu dịch vụ;
 - + Xây dựng các hạng mục công trình trong khu công nghiệp, khu dân cư và khu dịch vụ;
 - + Dịch vụ tư vấn đầu tư và các dịch vụ kinh doanh khác phục vụ khách hàng đầu tư;
- Kinh doanh nước sạch.
- + Hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển, lưu giữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

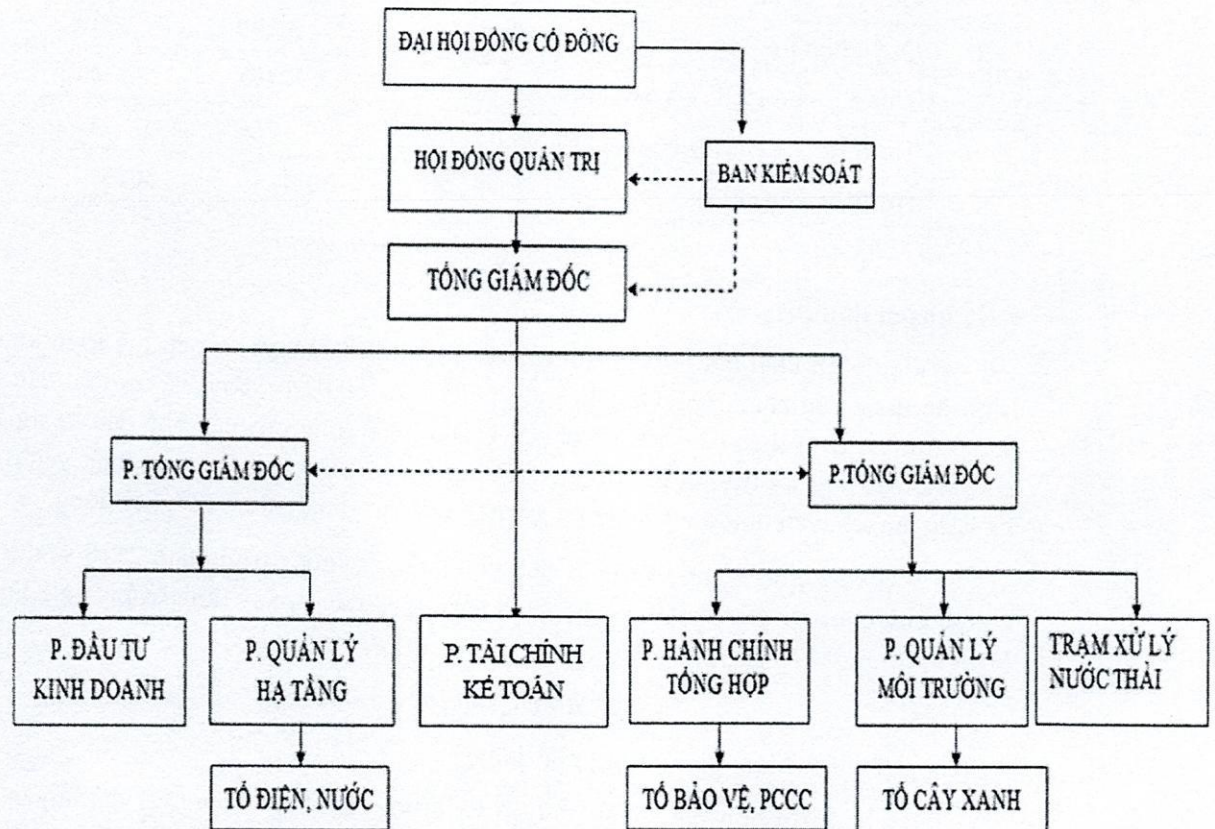
- Địa bàn kinh doanh: KCN Bàu Xéo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý.



- Các Công ty con, Công ty liên kết: (không có)

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Với mục tiêu tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng KCN, làm tốt công tác vận động thu hút đầu tư cho thuê đất đối với diện tích đất còn lại của KCN đồng thời đẩy mạnh triển khai thực hiện dự án Khu Trung tâm Dịch vụ tạo sự tăng trưởng và phát triển cho Công ty trong năm 2018 và những năm tiếp theo. Công ty xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2018 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

* Kế hoạch kinh doanh:

(Đvt: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2017	Tỷ lệ %
I	Doanh thu	67.903	80.515	84,34

II	Chi phí	45.620	52.321	87,19
III	Lợi nhuận trước thuế	22.283	28.195	79,03
IV	Thuế TNDN	2.166	2.472	87,62
V	Lợi nhuận sau thuế	20.117	25.723	78,21
VI	Phân bổ lợi nhuận	16.400	16.400	100,00
1	Quỹ đầu tư phát triển (05%)	1.005	3.686	27,27
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.208	2.142	103,08
3	Thưởng cho HĐQT&BKS (02%)	402	514	78,21
4	Thưởng cho Ban Điều hành (0,5%)	100	129	77,52
5.	Dự kiến cổ tức	20%	20%	100

(Chi tiết phụ lục 1 kèm theo)

*** Kế hoạch đầu tư:**

- Việc triển khai đầu tư xây dựng được thực hiện trên cơ sở tiếp tục triển khai các công trình dở dang của năm 2017 chuyển sang với giá trị 60,92 tỷ đồng và ưu tiên đầu tư mới các hạng mục hạ tầng theo cam kết để phục vụ cho hoạt động của các nhà đầu tư thuê lại đất và công tác bảo vệ môi trường KCN, ngoài ra tập trung đầu tư các hạ tầng thiết yếu đủ điều kiện kinh doanh, chuyển nhượng của dự án Khu TTDV với tổng giá trị 137,4 tỷ đồng.

- Việc xác định tiến độ và kế hoạch giải ngân các công trình năm 2018 sẽ được tính toán cụ thể phù hợp với diễn biến của quá trình triển khai đầu tư xây dựng KCN và Khu Trung tâm Dịch vụ.

(Chi tiết phụ lục 2 kèm theo)

*** Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng:**

Tiếp tục phối hợp với UBND huyện và Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Trảng Bom thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và thu hồi đất tại KCN. Riêng đối với phương án đợt 4 sẽ kiến nghị Chính quyền địa phương thực hiện biện pháp cưỡng chế một số hộ dân nhằm sớm thu hồi đất bàn giao mặt bằng cho Công ty.

*** Công tác tổ chức:**

- Phát huy vai trò hoạt động của các tổ chức chính trị tại đơn vị nhằm xây dựng Công ty ngày càng vững mạnh, đáp ứng mọi nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- Tiếp tục rà soát, tinh gọn bộ máy quản lý, luân chuyển nhân sự phù hợp ở từng lĩnh vực công tác, nhằm đạt hiệu quả cao trong công việc và tăng thu nhập cho người lao động.

*** Một số công tác khác:**

- Lập thủ tục khấu trừ tiền bồi thường của dự án Khu Trung tâm Dịch vụ KCN vào tiền sử dụng đất phải nộp để trình UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt theo quy định.

- Tiếp tục kiến nghị và đề nghị UBND tỉnh phê duyệt bổ sung phương án bồi thường và đề nghị Tổng Công ty Cao su Đồng Nai thực hiện các thủ tục để thanh lý cây cao su giai đoạn 2 còn lại 17 ha khu TTDV.

- Tiếp tục kiến nghị Bộ TNMT đề nghị phê duyệt điều chỉnh lại ĐTM Khu Trung tâm Dịch vụ KCN do dự án đầu tư điều chỉnh lại cơ cấu sử dụng đất và do chậm triển khai thi công.

- Tiếp tục làm việc đấu nối hạ tầng và đàm phán ký kết hợp đồng sử dụng hạ tầng và hợp đồng xử lý nước thải với Công ty TNHH Thái Nguyên 1.

- Tiếp tục đàm phán ký kết phụ lục hợp đồng xử lý nước thải với các Doanh nghiệp có hàm lượng nước thải vượt chuẩn theo hướng tính chi phí xử lý theo mức độ ô nhiễm của toàn bộ các chỉ tiêu nước thải.

*** Các giải pháp thực hiện:**

- Thực hiện tốt công tác vận động và thu hút đầu tư, phấn đấu năm 2018 cho thuê được 3-5 ha, tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng Khu Trung tâm Dịch vụ giai đoạn 2 đảm bảo đủ điều kiện kinh doanh, chuyển nhượng các dự án thành phần còn lại theo quy hoạch được duyệt.

- Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, kiểm soát chặt việc xả thải của các Doanh nghiệp không để nước thải về Nhà máy XLNT vượt khả năng xử lý của Trạm. Trong mùa mưa thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom nước thải, nước mưa của các Doanh nghiệp đảm bảo được tách riêng biệt không để xảy ra hiện tượng nước thải lẫn vào hệ thống thoát nước mưa và ngược lại.

- Thực hành tiết kiệm, kiểm soát chi phí, nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động kinh doanh năm 2018.

- Rà soát, sắp xếp, cơ cấu lại các phòng ban chức năng Công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả căn cứ vào tình hình và điều kiện thực tế của Công ty nhằm nâng cao trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

+ Triển khai dự án khu TTDV KCN.

+ Kiến nghị địa phương xin mở rộng KCN.

+ Xây dựng Nhà xưởng cho các nhà đầu tư có nhu cầu thuê lại.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

+ Đã xây dựng và đưa vào hoạt động Nhà máy xử lý nước thải KCN giai đoạn 1 công suất 4.000m³/ngày đêm.

+ Xây dựng hệ thống thu gom xử lý thoát nước mưa, nước thải trong KCN Bàu Xéo 1, đến nay đảm bảo việc thu gom toàn bộ nước thải của các doanh nghiệp về nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN.

+ Xây dựng tuyến thoát nước từ Nhà máy xử lý nước thải KCN ra Sông Thao, đã giải quyết việc thoát nước cho KCN và các khu vực dân cư lân cận, đảm bảo vấn đề về môi trường tại địa phương

+ Xây dựng trạm bơm tăng áp, đảm bảo áp lực nước cung cấp đến các Doanh nghiệp trong KCN được ổn định, góp phần hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của các Doanh nghiệp trong KCN.

5. Các rủi ro:

- KCN đã được lấp đầy gần 90%, diện tích đất còn lại đủ điều kiện cho thuê khoảng 08 ha nhưng không liền vùng, liền khoảnh, các doanh nghiệp có nhu cầu thuê lại đất có quy mô lớn Công ty không thể đáp ứng được.

- Trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng còn lại 21,5 ha với một số hộ dân chưa đồng ý nhận tiền bồi thường mặc dù Công ty cùng Chính quyền địa phương đã có những phương án hỗ trợ thêm nhưng rất khó tạo được sự đồng thuận từ người dân. Vấn đề này sẽ ảnh hưởng đến công tác vận động thu hút đầu tư vào KCN do thiếu quỹ đất để cho thuê.

- Công ty TNHH Thái Nguyên 1, Công ty TNHH KL Texwell Vina, Công ty TNHH Jooco Dona đang gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh nên việc ký kết hợp đồng sử dụng hạ tầng, đầu nối thoát nước mưa và nước thải chưa thực hiện được sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh năm 2018.

- Dù Công ty đã có nhiều văn bản kê cả Sở Tài nguyên Môi trường Đồng Nai đề nghị Tổng Công ty Cao su Đồng Nai thanh lý 17 ha để thực hiện dự án khu TTDV giai đoạn II nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được.

- Kế hoạch kinh doanh năm 2018 về mặt doanh thu thấp hơn thực hiện năm 2017 16%, do đó kế hoạch kinh doanh năm 2018 chỉ xác định khoản doanh thu chắc chắn, không có các khoản doanh thu khác phát sinh đột biến như năm 2017, cụ thể :

- . Khoản thu tiền thuê đất nộp 01 lần của nhà đầu tư;
- . Nguồn hỗ trợ của địa phương;
- . Thu xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại của các Doanh nghiệp

II. Tình hình hoạt động trong năm 2017

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

(Đvt: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Thực hiện 2016	So sánh với (%)	
					Năm 2016	Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	68.256	80.515	68.255	117,96	117,96
2	Tổng chi phí	44.930	52.321	43.317	120,78	116,45
3	Lợi nhuận trước thuế	23.327	28.195	24.938	113,06	120,87
4	Thuế TNDN	2.395	2.472	2.244	110,16	103,22
5	Lợi nhuận sau thuế	20.932	25.723	22.693	113,35	122,89

6	Phân phối cổ tức	16.400	16.400	16.400	100,00	100,00
7	Tỷ suất cổ tức/vốn điều lệ	20%	20%	20%	100	100
8	Lợi nhuận để lại chưa phân phối.		8.050	5.199		
	- Năm trước chuyển sang		5.199	3.782		
	- Năm 2017	779	2.851	1.417		

(Chi tiết phụ lục 3 kèm theo)

*** Lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản:**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị thường xuyên chỉ đạo Ban điều hành Công ty tập trung triển khai thực hiện các hạng mục hạ tầng KCN để phục vụ cho hoạt động của các nhà đầu tư và công tác bảo vệ môi trường. Năm 2017 do vướng công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, để thu hồi đất nên chủ yếu chỉ hoàn thiện các hạng mục hạ tầng đã được thực hiện từ năm 2016 và triển khai một số hạng mục hạ tầng phục vụ các nhà đầu tư đang thuê đất.

Đối với Dự án Khu Trung tâm Dịch vụ KCN năm 2017 tập trung hoàn tất các thủ tục pháp lý, nộp tiền sử dụng đất và đang triển khai xây dựng các hạng mục cơ sở hạ tầng kỹ thuật thiết yếu của dự án giai đoạn I sẵn sàng đảm bảo cho việc kinh doanh đất liền kề, biệt thự của dự án theo quy định hiện hành.

Giá trị thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản năm 2017 đạt 7,6% so với nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tương ứng 17,13 tỷ đồng/225,24 tỷ đồng. Lũy kế đến ngày 31/12/2017, tổng mức đầu tư của KCN là 424,95 tỷ đồng (trong đó chi phí bồi thường là 153,24 tỷ đồng) so với tổng mức đầu tư được duyệt là 542,22 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 78,32%.

(Chi tiết phụ lục 4 kèm theo)

*** Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để thu hồi đất:**

- Phương án bồi thường đợt 4 (tại Ấp 1, xã Sông Tràu): Hiện nay vẫn còn 52 hộ dân chưa đồng ý nhận tiền bồi thường tương ứng với diện tích 16,1 ha, Công ty thường xuyên đôn đốc UBND huyện hoàn thiện hồ sơ pháp lý để thực hiện cưỡng chế tuy nhiên vì nhiều lý do khác nhau đến nay, công tác này vẫn chưa được triển khai.

- Phương án bồi thường đợt 5 (tại ấp An Hòa, xã Tây Hòa): Các hộ dân đã nhận tiền bồi thường, diện tích 5.700 m² riêng còn 01 Miếu thờ đang chờ bố trí quỹ đất để di dời.

- Phương án đường bao ranh phía Đông KCN (tại xã Tây Hòa): Hiện Phòng Tài nguyên Môi trường huyện đang lập thủ tục thu hồi 5,4 ha đất và trình phê duyệt phương án bồi thường theo quy định.

*** Công tác bảo vệ môi trường:**

- Ngày 20/9/2017 Tổng Cục Môi trường xác nhận Công ty đã hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phân khu II của KCN.

- Công ty thường xuyên thực hiện kiểm tra giám sát việc đấu nối, tách riêng hệ thống thoát nước mưa, nước thải và chất lượng nước thải của các doanh nghiệp vào hệ thống nước thải chung đảm bảo tuân thủ đúng tiêu chuẩn quy định về bảo vệ môi trường KCN.

- Kiểm soát chặt chẽ số lượng, chất lượng nước đầu vào, đầu ra của Trạm xử lý nước thải qua thiết bị quan trắc tự động và truyền dữ liệu trực tuyến về Sở TNMT, kết quả nước thải sau xử lý của KCN luôn đạt chuẩn theo quy định.

- Thường xuyên theo dõi việc thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại của các doanh nghiệp góp phần bảo vệ môi trường KCN.

*** Công tác khác:**

- Ký kết hợp đồng sử dụng hạ tầng với Công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam – Chi nhánh Cắm tôm đối với phần diện tích đất nhận chuyển nhượng của Công ty TNHH Toàn Thịnh (2,7ha)

- Ký kết phụ lục hợp đồng xử lý nước thải với các Doanh nghiệp theo hướng kiểm soát các chỉ tiêu xử lý nước thải theo tiêu chuẩn nước thải công nghiệp.

- UBND tỉnh chấp thuận khấu trừ 65 tỷ đồng tiền bồi thường giải phóng mặt bằng KCN vào tiền thuê đất phải nộp hằng năm.

- Hoàn thành hồ sơ và đã được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thủ tục ưu đãi đầu tư đối với diện tích 25,4 ha tại KCN Bàu Xéo 1.

- Đang tiến hành thực hiện thủ tục điều chỉnh quy hoạch cục bộ KCN, chuyển đổi diện tích đất cây xanh 3.250,7 m² tại đảo giao thông đường sông hành bên phải QL1A thành đất dịch vụ và điều chỉnh quy hoạch cục bộ Khu TTDV chuyển đổi diện tích đất bãi đậu xe 3.825,8 m² thành đất dịch vụ.

- UBND tỉnh đã có văn bản chấp thuận ưu đãi miễn giảm tiền sử dụng đất đối với các công trình xã hội hóa của dự án Khu TTDV.

- Ngày 9/10/2017 UBND tỉnh đã chấp thuận điều chỉnh dự án đầu tư phát triển nhà ở Khu TTDV.

- Hoàn tất việc nộp tiền sử dụng đất của dự án Khu TTDV với tổng số tiền 108,16 tỷ đồng.

- Thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông, đã niêm yết cổ phiếu của Công ty lên sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán BAX, giá trị giao dịch bình quân khoảng 20.000 đồng/cổ phiếu.

- Làm việc với Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, Tổng Công ty Cao su Đồng Nai về việc thanh lý cây cao su giai đoạn 2 (17ha) thuộc dự án Khu TTDV, đồng thời đang kiến nghị UBND tỉnh thực hiện khấu trừ tiền bồi thường vào tiền sử dụng đất phải nộp hoặc tính vào giá vốn của dự án.

2. Tổ chức và nhân sự

- *Danh sách Ban điều hành:*

1. Ông: Nguyễn Hoàng Dũng: Tổng giám đốc

+ Sinh ngày: 05/01/1971

+ Số CMND: 270993062

cấp ngày: 06/4/2005

+ Quê quán: Long An

+ Nơi ở hiện nay: Số 86/1 Nguyễn Thành Phương, khu phố 6, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0,24%

2. Ông: Trần Hữu Trung: P. Tổng giám đốc

+ Sinh ngày: 29/4/1973

+ Số CMND: 272224875

cấp ngày: 21/4/2008

+ Quê quán: Thái Bình

+ Nơi ở hiện nay: P.503A Chung cư Thanh Bình – Biên Hòa – Đồng Nai

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0%

3. Ông: Nguyễn Hữu Trí: Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán Trưởng

+ Sinh ngày: 09/02/1979

+ Số CMND: 331232816

cấp ngày: 18/8/2010

+ Quê quán: Vĩnh Long

+ Nơi ở hiện nay: 2/66/7 Thiên Phước, Phường 9, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

+ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0%

- Những thay đổi trong ban điều hành:

+ Quyết định 06/QĐ-HĐQT ngày 17/01/2017 về việc nghỉ hưu hưởng chế độ bảo hiểm xã hội của Ông Phan Văn Yên – Phó Tổng Giám đốc.

+ Quyết định 12/QĐ-HĐQT ngày 28/02/2017 về việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Hữu Trí giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm nhiệm chức vụ Kế toán Trưởng Công ty.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

+ Số lượng CBCNV: 49 người (Bao gồm cả ban điều hành)

+ Công ty đã xây dựng, ban hành và đưa vào áp dụng thang, bảng lương mới phù hợp với mô hình Công ty cổ phần, theo quy định của Bộ luật Lao động, hướng tới việc trả lương theo thị trường nhằm hạn chế hiện tượng chảy máu chất xám và thu hút lao động giỏi. Từ đó đến nay hệ thống thang, bảng lương thường xuyên được nghiên cứu sửa đổi và điều chỉnh cho phù hợp với các quy định của pháp luật cũng như tình hình thực tế kinh doanh. Công ty đã thực hiện tốt chế độ Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm Thất nghiệp cho người lao động theo đúng các quy định của Luật Bảo hiểm Xã hội và các quy định hiện hành.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đã ban hành thỏa ước lao động, hàng năm được chỉnh sửa bổ sung phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Quy định bao gồm các chính sách phúc lợi

áp dụng cho toàn thể CBCNV và một số chính sách có tính đãi ngộ đối với những người lao động giỏi, có trình độ quản lý và chuyên môn cao, bao gồm: Chế độ lương, thưởng, đào tạo, học tập, nghỉ ngơi và các chế độ phúc lợi khác.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết):

* Đầu tư tài chính:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	4.120.622.222	4.120.622.222	23.500.000.000	23.500.000.000
	<u>4.120.622.222</u>	<u>4.120.622.222</u>	<u>23.500.000.000</u>	<u>23.500.000.000</u>

Số dư tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng, được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6%/năm.

* Đầu tư dự án:

Dự án	Đơn vị tính	Tổng mức đầu tư	Thực hiện đến 31/12/2017
Khu công nghiệp Bàu Xéo	Tỷ đồng	673,68	424,95
Khu Trung tâm dịch vụ	Tỷ đồng	648,69	132,192

b) Các công ty con, công ty liên kết:(không có)

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ %
Tổng giá trị tài sản	498.488.422.785	499.596.364.252	100,22%
Doanh thu thuần	59.390.847.713	70.830.789.628	119,26%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	21.612.411.240	21.802.865.929	100,88%
Lợi nhuận khác	3.325.137.890	6.391.879.945	199,23%
Lợi nhuận trước thuế	24.937.549.130	28.194.745.874	113,06%
Lợi nhuận sau thuế	22.693.122.052	25.722.525.837	113,34%

Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%	20%	100%
----------------------------	-----	-----	------

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	4,15	1,58	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	3,87	1,39	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	72,38%	71,13%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	262%	246%	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân Doanh thu thuần/Tổng tài sản	11,91%	14,17%	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	38,20%	36,32%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	16,48%	17,83%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4,55%	5,14%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	36,39%	30,78%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần đến ngày 31/12/2017

STT	Cổ đông	Số cổ phần (cổ phần)		Tổng giá trị mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
		hạn chế chuyển nhượng	tự do chuyển nhượng		
01	Tổ chức <i>Trong đó:</i>		5.334.360	53.343.600.000	65,05%

	- Tổ chức trong nước - Tổ chức nước ngoài		5.334.360	53.343.600.000	65,05%
02	Cá nhân <i>Trong đó:</i> - Cá nhân trong nước - Cá nhân nước ngoài		2.865.640	28.656.400.000	34,95%
03	Cổ phiếu quỹ				
	Tổng cộng (158 cổ đông)		8.200.000	82.000.000.000	100%

b) Cơ cấu cổ đông: Tổng số cổ đông 158 cổ đông

Cổ đông lớn: 3

Cổ đông nhỏ: 155

Cổ đông tổ chức: 2

Cổ đông cá nhân: 156

Cổ đông trong nước: 158

Cổ đông nước ngoài: 0

Cổ đông nhà nước: 01

Cổ đông khác: 157

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: (không có)

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: (không có)

e) Các chứng khoán khác: (không có)

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm. (không có)

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức (không có)

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Trong năm 2017, Công ty đã sử dụng 430.000 Kw/h điện năng cho tất cả các hoạt động và cung cấp dịch vụ cho toàn KCN.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng; báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không có

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty sử dụng nguồn nước cấp từ Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai để sử dụng cho các hoạt động của Công ty và cung cấp cho tất cả Doanh nghiệp trong Khu Công nghiệp. Trong năm 2017 tổng lượng nước sử dụng là 988.320 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có
b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

a) Số lượng lao động là 49 người, mức lương trung bình đối với người lao động: 11.014.000đ/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Hàng năm, Công ty trang bị bảo hộ lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, tổ chức tham quan nghỉ mát cho người lao động và các chế độ bồi dưỡng hợp lý bằng hiện vật nhằm bảo đảm sức khỏe cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động.

Công ty thường xuyên tổ chức cho người lao động tham gia các khóa đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động sau khi có kế hoạch tổng hợp của các phòng ban và nội dung đào tạo cụ thể.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Trong năm Công ty đã tham gia ủng hộ đóng góp các quỹ từ thiện, xã hội, xây nhà tình thương và các hoạt động của địa phương với giá trị trên 394 triệu đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tổng doanh thu thực hiện trong năm 2017 là 80,51 tỷ đồng và vượt 17,96 % so kế hoạch là do các yếu tố sau:

. Theo yêu cầu của Công ty TNHH Dệt sợi Zara, Công ty đã chuyển hình thức từ nộp tiền thuê đất hàng năm sang nộp tiền một lần với diện tích 3,04 ha nên doanh thu về tiền thuê đất vượt 147,21% so với kế hoạch.

. Trong công tác quản lý, Công ty tăng cường các biện pháp kiểm tra, giám sát nhằm chống thất thoát nước, thường xuyên theo dõi ngăn chặn kịp thời tình hình sử dụng nước ngầm cũng như thu thêm phí xử lý nước thải vượt ngưỡng tiếp nhận của các Doanh nghiệp, với biện pháp đó đã làm cho doanh thu về cấp nước sạch vượt 9,62%, doanh thu xử lý nước thải vượt 16,39%.

. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường KCN, Công ty đã tăng cường công tác thu gom xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại của các Doanh nghiệp vượt 241,44% so kế hoạch.

. Riêng doanh thu cho thuê hạ tầng trong năm chỉ đạt 96,82% so với kế hoạch là do vẫn chưa ký kết hợp đồng sử dụng hạ tầng với Công ty TNHH Thái Nguyên 1 do Công ty đang gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh và hiện nay đã tạm dừng sản xuất.

. Tổng chi phí thực hiện vượt 16,45% so với kế hoạch nguyên nhân do trong năm thực hiện nộp tiền thuê đất một lần đối với diện tích Công ty TNHH Dệt sợi Zara thuê và tăng giá

vốn tương ứng doanh thu cung cấp nước sạch, xử lý nước thải, xử lý chất thải, tăng khấu hao tài sản cố định.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tổng tài sản đến 31/12/2017 là 499,59 tỷ tăng 1% so với năm 2016

b) Tình hình nợ phải trả

- Tổng nợ phải trả đến 31/12/2017 là 355,359 tỷ đồng, trong đó nợ ngắn hạn chiếm 7,31% và nợ dài hạn 92,69%. So với năm 2016 tổng nợ phải trả của Công ty giảm 5,4 tỷ đồng tương đương 1,52%. Chủ yếu là doanh thu nhận trước của khách hàng trả tiền thuê đất và hạ tầng một lần cho cả thời gian thuê lại đất trong KCN.

- Tình hình nợ phải trả của Công ty, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:

Các khoản nợ phải trả của Công ty hiện nay chủ yếu là doanh thu nhận trước của khách hàng trả tiền thuê đất và hạ tầng một lần cho cả thời gian thuê lại đất trong KCN, các khoản nhận trước này Công ty không phải trả lãi, nên không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh và hiện nay Công ty không có các khoản vay vốn tại các tổ chức tín dụng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ và tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên tham gia vào các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn.

- Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Công ty hướng tới mục tiêu trang bị cho nhân viên những kiến thức, kỹ năng tiên tiến, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, đồng thời phát triển tiềm năng của mỗi nhân viên và mang lại hiệu quả tối đa cho Công ty.

- Công ty có những chính sách sau:

+ Tất cả nhân viên được tạo điều kiện nghiên cứu, học tập thông qua các chương trình đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài, tự đào tạo phù hợp với yêu cầu vị trí công việc của mỗi con người trong lĩnh vực chuyên môn và quản lý.

+ Thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động như: Ký hợp đồng, trích đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm nhân mạng cho người lao động, trang bị bảo hộ lao động và các quyền lợi khác của người lao động.

+ Đảm bảo thực hiện đúng chế độ, tiền lương, thưởng cho người lao động

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Tiếp cận các dự án khu dân cư, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai để kịp thời đưa ra những quyết định đầu tư đúng đắn nhằm tạo nguồn thu ổn định và lâu dài cho Công ty.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán : (không có)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Công ty luôn chấp hành tốt các quy định các

pháp luật hiện hành, không để xảy ra vi phạm về lĩnh vực môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: chú trọng quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi nhất để người lao động có công việc, thu nhập tốt, ổn định đời sống.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: là một trong những đơn vị đi đầu trong công tác xã hội, từ thiện vì cộng đồng tại tỉnh Đồng Nai.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Những mặt làm được:

- Công ty đã tích cực đôn đốc, thu hồi công nợ, đặc biệt đối với các Doanh nghiệp gặp khó khăn về mặt tài chính không thanh toán đúng hạn, quyết liệt đàm phán thu khoản phạt chậm trả với số tiền 3,4 tỷ đồng đã đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh năm 2017 và làm cho lợi nhuận sau thuế vượt 22,89% so với kế hoạch.

- Làm tốt công tác bảo vệ môi trường trong đó chất lượng xử lý nước thải đầu ra ổn định so với quy chuẩn hiện hành. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát các hoạt động xả thải, xử lý chất thải rắn của các doanh nghiệp. Thường xuyên giám sát việc xả thải của các Doanh nghiệp kịp thời phát hiện và phụ thu đối với các doanh nghiệp có chất lượng nước thải đầu ra vượt mức cam kết.

- Hoàn tất các thủ tục pháp lý về đất đai, nộp tiền sử dụng đất và đang triển khai xây dựng các hạng mục cơ sở hạ tầng kỹ thuật thiết yếu của dự án Khu Trung tâm Dịch vụ giai đoạn I, sẵn sàng đảm bảo cho việc kinh doanh đất nền liên kế, biệt thự của dự án theo quy định của pháp luật.

Những mặt còn hạn chế:

Tiến độ thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, thu hồi đất còn chậm ảnh hưởng đến việc bàn giao đất cho nhà đầu tư như đã cam kết và chưa có thêm quỹ đất sạch để thực hiện công tác vận động thu hút đầu tư vào KCN.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

Ban Tổng Giám đốc bám sát thực hiện đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết Hội đồng quản trị. Đã tổ chức, chỉ đạo thực hiện tốt hoạt động kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tuân thủ theo pháp luật Nhà nước, các quy định tại Điều lệ hoạt động của Công ty

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng KCN, làm tốt công tác vận động thu hút đầu tư cho thuê đất đối với diện tích đất còn lại của KCN, đồng thời đẩy mạnh triển khai thực hiện dự án Khu TTDV KCN tạo sự tăng trưởng và phát triển cho Công ty trong năm 2018 và những năm tiếp theo.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác):

1. Lê Văn Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số CMND : 270137868, cấp ngày: 08/01/2015, nơi cấp: CA Đồng Nai

Ngày, tháng, năm sinh : 16/10/1959

Nơi sinh : Xã Xuân Lập, Thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Quê quán : Xã Tân Phú Tây, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre

Địa chỉ thường trú : Ấp Suối Tre, xã Suối Tre, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần KCN Long Khánh, Chánh văn phòng Tổng Công ty Cao su Đồng Nai.

Số cổ phiếu đang nắm giữ : 989.760 (Bằng chữ: Chín trăm tám mươi chín ngàn, bảy trăm sáu mươi) cổ phần.

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 989.760 cổ phần, đại diện cho Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai

2. Ông Lê Hữu Tịnh – Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

Số CMND : 023418424, cấp ngày: 18/8/2014, nơi cấp: CA Tp. HCM

Ngày, tháng, năm sinh : 18/02/1965

Nơi sinh : Xã Đức Phú, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ thường trú : Số 45/99, Nguyễn Văn Đậu, Phường 6, quận Bình Thạnh, Tp. HCM

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Tiến Sĩ Kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa.

- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tín Nghĩa – Phương Đông
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Tín Nghĩa – Á Châu.

Số cổ phần nắm giữ : 2.391.600 (Hai triệu, ba trăm chín mươi mốt ngàn, sáu trăm) cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 15.000 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 2.376.600 cổ phần, đại diện cho Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa

3. Ông Lê Văn Danh – Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Số CMND : 362160827, cấp ngày: 01/09/2003, nơi cấp: Công an Cần Thơ

Ngày, tháng, năm sinh : 1960

Nơi sinh : Xã An Đức, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ thường trú : 312C/10 Nguyễn Văn Linh, P.An Khánh, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ kinh tế - Chuyên ngành QTKD

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa.
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa.
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khu công nghiệp Tín Nghĩa – Phương Đông
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế biến xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Đồng Nai.
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tổng hợp Tân Mai.

Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần

4. Ông Nguyễn Văn Thạnh – Thành viên Hội đồng quản trị

Số CMND : 270538324, cấp ngày: 09/10/2003, nơi cấp: Công an tỉnh Đồng Nai

Ngày, tháng, năm sinh : 20/09/1965

Địa chỉ thường trú : Số 782, ấp Suối Tre, xã Suối Tre, Thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Đại học Tài chính kế toán Tp.HCM

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Kế toán trưởng - Phụ Trách Phòng Tài chính – Kế toán – Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế Biến Gỗ Cao su Đồng Nai.
- Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng Cao su Đồng Nai
- Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Điện Biên
- Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Hàng Gòn

Số cổ phần nắm giữ : 999.000 cổ phần (*Bằng chữ: Chín trăm chín mươi chín ngàn*) cổ phần.

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 15.000 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 984.000 cổ phần, đại diện cho TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai

5. Ông Nguyễn Hoàng Dũng – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Số CMND : 270993062, cấp ngày: 05/09/2016, nơi cấp: CA Đồng Nai

Ngày, tháng, năm sinh : 05/01/1971

Địa chỉ thường trú : Số 86/1 Nguyễn Thành Phương, khu phố 6, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có

Số cổ phần nắm giữ : 19.700 (*Mười chín ngàn bảy trăm*) cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 19.700 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần

6. Ông Lê Văn Liêm – Thành viên Hội đồng quản trị

Số CMND : 270159087, cấp ngày: 15/7/2004, nơi cấp: CA Đồng Nai

Ngày, tháng, năm sinh : 15/11/1961

Địa chỉ thường trú : Số 5, đường 4A, Trung tâm, xã Xuân lập, TX Long Khánh, Đồng Nai

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng, Cử nhân kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Cao su Đồng Nai, Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai.

Số cổ phần nắm giữ: 1.009.200 cổ phần (Một triệu, chín ngàn, hai trăm) cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 25.200 cổ phần

Số cổ phần đại diện : 984.000 cổ phần, đại diện cho Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp:

Trong năm 2017, HĐQT Công ty đã tổ chức 06 phiên họp, 04 phiên họp thường kỳ và 02 phiên họp bất thường để giải quyết các vấn đề theo chức năng và nhiệm vụ của HĐQT cũng như những phát sinh trong tổ chức quản lý của Công ty theo kiến nghị của Ban điều hành.

Hội đồng Quản trị đã ban hành 56 quyết định và 06 Nghị quyết với các nội dung tập trung hoàn thiện nâng cao các mặt hoạt động điều hành, quản lý của Công ty. Các cuộc họp đều có sự tham dự đầy đủ của các thành viên HĐQT, những thành viên vắng mặt không thể dự họp đều có ý kiến bằng văn bản. Các nghị quyết của HĐQT đã ban hành đúng chức năng, quyền hạn phù hợp với chủ trương, nghị quyết của ĐHĐCĐ, tuân thủ Điều lệ của Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp: không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành)

1. Ông Đào Sỹ Du - Trưởng Ban kiểm soát

Số CMND : 271220047, cấp ngày: 13/8/2016, nơi cấp: CA Đồng Nai

Ngày, tháng, năm sinh : 05/04/1975

Địa chỉ thường trú : Đường 6, KP 2, P. Xuân Bình, TX Long Khánh, T. Đồng Nai

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Đại học tài chính kế toán, Cao đẳng tin học

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán viên Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai

Số cổ phần nắm giữ : 10.000 (Mười nghìn) cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 10.000 cổ phần

- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần

2. Ông Lê Minh Chương - Thành viên Ban kiểm soát

Số CMND : 271452936, cấp ngày: 28/04/2011, nơi cấp: CA Đồng Nai

Ngày, tháng, năm sinh : 12/03/1969

Địa chỉ thường trú : Tổ 14, KP 6, P. Tân Tiến, Tp. Biên Hoà, T. Đồng Nai

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

+ Giám đốc Kiểm toán nội bộ kiêm Trưởng Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Tổng

Công ty Tín Nghĩa

Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần

3. Ông Nguyễn Chí Hiếu - Thành viên Ban kiểm soát

Số CMND : 271084687, cấp ngày: 20/06/2009, nơi cấp: CA Đồng Nai

Ngày, tháng, năm sinh : 19/6/1972

Địa chỉ thường trú : 103/25C, Thích Quảng Đức, KP4, phường Xuân An, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Điện công nghiệp, Kỹ sư Xây dựng Dân dụng và công nghiệp.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chuyên viên phòng Kế hoạch đầu tư, Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai.

Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện các cuộc kiểm tra và soát xét tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng Điều lệ Công ty. Ngoài ra Ban kiểm soát còn tiến hành thực hiện các buổi làm việc chính thức với lãnh đạo Công ty để ghi nhận và kiến nghị kịp thời các vấn đề cấp bách, trọng tâm.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thu nhập của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát năm 2017: 3.157.095.495 đồng

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: *Không có*

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện đúng theo quy trình và quy định pháp luật về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thống Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Công ty đã công bố Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017 trên các phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội và cập nhật trên website Công ty: www.bauxeo.com.vn


CHỦ TỊCH

LÊ VĂN HÙNG

PHỤ LỤC 03
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2017

(Đvt: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Thực hiện 2016	So sánh với (%)	
					Năm 2016	Kế hoạch
I.	Tổng doanh thu	68.256	80.515	68.255	117,96	117,96
<i>1</i>	<i>DT bán hàng và dịch vụ</i>	<i>62.552</i>	<i>70.831</i>	<i>59.391</i>	<i>119,26</i>	<i>113,24</i>
	- Tiền thuê đất	3.960	9.791	3.553	275,57	247,25
	- Phí sử dụng hạ tầng & quản lý	43.082	41.712	38.410	108,60	96,82
	- Bán nước sạch	10.336	11.331	11.311	100,18	109,63
	- Xử lý nước thải	3.973	4.624	4.458	103,72	116,39
	- Xử lý chất thải	900	3.073	1.359	226,12	341,44
	- Cho thuê văn phòng	300	300	300	100,00	100,00
<i>2</i>	<i>Thu nhập khác</i>	<i>5.705</i>	<i>9.684</i>	<i>8.864</i>	<i>109,25</i>	<i>169,75</i>
	- DT hoạt động tài chính	5.685	3.225	5.539	58,22	56,73
	- Thu nhập khác	20	6.459	3.325	194,26	32295,00
II.	Tổng chi phí	44.930	52.321	43.317	120,79	116,45
<i>1</i>	<i>Giá vốn hàng bán</i>	<i>26.535</i>	<i>35.294</i>	<i>27.381</i>	<i>128,89</i>	<i>133,00</i>
	- Tiền thuê đất và hạ tầng	13.033	17.467	10.948	159,54	134,02
	- Giá vốn nước sạch	9.628	10.743	10.767	99,78	115,58
	- Giá vốn xử lý nước thải	3.064	4.176	4.401	94,89	136,29
	- Giá vốn xử lý chất thải	810	2.907	1.265	229,80	358,89
<i>2</i>	<i>Chi phí tài chính</i>		<i>0,074</i>	<i>0,03</i>	<i>246,67</i>	
<i>3</i>	<i>Chi phí quản lý DN</i>	<i>18.395</i>	<i>16.959</i>	<i>15.936</i>	<i>106,42</i>	<i>92,19</i>
<i>4</i>	<i>Chi phí khác</i>		<i>68</i>			
III	Lợi nhuận trước thuế	23.327	28.195	24.938	113,06	120,87
IV	Thuế TNDN	2.395	2.472	2.244	110,16	103,22
V	Lợi nhuận sau thuế	20.932	25.723	22.693	113,35	122,89
VI	Phân bổ lợi nhuận	20.932	25.723	22.693	113,35	122,89
<i>1</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>1.047</i>	<i>3.686</i>	<i>2.126</i>	<i>173,38</i>	<i>352,05</i>
<i>2</i>	<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	<i>2.183</i>	<i>2.142</i>	<i>2.183</i>	<i>98,12</i>	<i>98,12</i>
<i>3</i>	<i>Thưởng cho HĐQT & BKS (2%)</i>	<i>419</i>	<i>514</i>	<i>453</i>	<i>113,47</i>	<i>122,67</i>
<i>4</i>	<i>Thưởng cho Ban Điều hành (0,5%)</i>	<i>105</i>	<i>129</i>	<i>113</i>	<i>114,16</i>	<i>122,86</i>
VII	Phân phối cổ tức	16.400	16.400	16.400	100,00	100,00
VIII	Tỷ suất cổ tức/vốn điều lệ	20,00%	20,00%	20,00%	100,00	100,00
IX	Lợi nhuận giữ lại chưa chia		8.050	5.199	154,84	
	- Các năm trước chuyển sang		5.199	3.782	137,47	



STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Thực hiện 2016	So sánh với (%)	
					Năm 2016	Kế hoạch
	- Năm 2017	779	2.851	1.417	201,20	365,98
X	Các chỉ tiêu tài chính					
1.	Vốn chủ sở hữu, trong đó:		144.237	137.665		
	- Vốn điều lệ		82.000	82.000		
2.	Tổng tài sản		499.596	498.488		
3.	Tỷ suất lợi nhuận ròng/vốn chủ sở hữu (ROE)	%	17,83	16,48		
4.	Tỷ suất lợi nhuận ròng/tài sản (ROA)	%	5,14	4,55		
5.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Đồng	3.137	2.767		
6.	Giá trị sổ sách một cổ phiếu	Đồng	17.589	16.788		

PHỤ LỤC 04

CÁC CÔNG TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NĂM 2017

(Đvt: đồng)

Stt	Hạng mục công trình	Giá trị dự toán /hợp đồng /quyết toán	Chuyển tiếp từ năm 2015 sang năm 2016	Thực hiện từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Thực hiện từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Chuyển tiếp các năm sang năm 2018
A. CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2017						
I/	KCN Bàu Xéo:	29.708.399.975	2.311.282.908	1.500.000.000		811.282.908
I.1	Công trình chuyển tiếp từ năm 2014	29.708.399.975	2.311.282.908	1.500.000.000		811.282.908
1.	Thi công XD & lắp đặt thiết bị CT NMXLNT	29.708.399.975	2.311.282.908	1.500.000.000	-	811.282.908
	CỘNG	29.708.399.975	2.311.282.908	1.500.000.000	0	811.282.908
B. CÔNG TRÌNH TRIỂN KHAI NĂM 2017						
I/	KCN Bàu Xéo:	14.419.084.560		2.456.700.000	7.390.176.582	4.152.557.978
I.1	Các gói thầu nghiệm thu đưa vào sử dụng	10.403.984.560		2.456.700.000	6.057.676.582	1.551.357.978
1.	Đường số 8A - đoạn 1 (từ cọc H3 đến cọc C25): đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, nước thải	3.917.000.000		1.017.000.000	1.478.000.000	1.422.000.000
2.	Đường số 8A - đoạn 2 (từ cọc C25 đến giao đường số 9A & 8A)	3.899.825.000		1.170.000.000	2.729.825.000	-

Stt	Hạng mục công trình	Giá trị dự toán /hợp đồng /quyết toán	Chuyển tiếp từ năm 2015 sang năm 2016	Thực hiện từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Thực hiện từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Chuyển tiếp các năm sang năm 2018
3.	Đường số 8A - đoạn 2 (từ đường số 5A - đường số 9A): hệ thống thoát nước thải	774.359.560		269.700.000	465.941.582	38.717.978
4.	Đường số 8A - đoạn 1, 2: hệ thống chiếu sáng	907.800.000			862.410.000	45.390.000
5.	Đường số 8A - đoạn 1, 2: vỉa hè	905.000.000			521.500.000	45.250.000
I.2	Các gói thầu đang thực hiện dở dang	3.650.000.000			1.095.000.000	2.555.000.000
1.	ĐSH bên phải QL1A: Đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, nước thải	3.650.000.000			1.095.000.000	2.555.000.000
I.3	Tư vấn đầu thầu, thẩm định, giám sát, kiểm toán quyết toán	365.100.000			237.500.000	46.200.000
II	Khu TTDV:	65.696.571.169			9.736.489.000	55.960.082.169
II.1	Các gói thầu đang thực hiện dở dang	36.507.000.000			9.522.650.000	26.984.350.000
1.	Tư vấn lập TKBVTC và TDT khu nhà chung cư phục vụ công nhân	1.900.000.000			950.000.000	950.000.000
2.	Tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC và TDT khu nhà chung cư phục vụ công nhân	308.000.000			-	308.000.000
3.	Đường số N8, D7: giao thông, hệ thống thoát nước mưa, nước thải	17.160.000.000			2.574.000.000	14.586.000.000

Sst	Hạng mục công trình	Giá trị dự toán /hợp đồng /quyết toán	Chuyển tiếp từ năm 2015 sang năm 2016	Thực hiện từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Thực hiện từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Chuyển tiếp các năm sang năm 2018
4.	Đường số N1, N2, N4, N10, N11, N12, N13, N14, D8, D9, D10, D11, D17: đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, nước thải	17.139.000.000			5.998.650.000	11.140.350.000
II.2	Gói thầu đang thực hiện thủ tục lựa chọn nhà thầu	28.612.131.969				28.612.131.969
1.	Xây lắp điện trung thế - giai đoạn 1 (đầu nối, đường dây, trạm 6, 8, 9), thiết bị trạm 6, 8, 9	6.572.524.785				6.572.524.785
2.	Xây lắp điện hạ thế - giai đoạn 1 (hạ thế trạm 8, 9)	3.923.421.083				3.923.421.083
3.	Xây lắp hệ thống chiếu sáng đường N8, D7; đường N1, N2, N4, N10, N11, N12, N13, N14, D8, D9, D10, D11, D17	2.990.300.237				2.990.300.237
4.	Xây lắp hệ thống cấp nước – PCCC đường N8, D7, đầu nối D500; đường N1, N2, N10, N4, N11, N12, N13, N14, D8, D9, D10, D11	2.747.538.376				2.747.538.376
5.	Xây lắp vỉa hè, hố trồng cây đường N8, D7; đường N1, N2, N4, N10, N11, N12, N13, N14, D8, D9, D10, D11, D17	8.685.977.163				8.685.977.163
6.	Xây lắp công viên CX2	1.651.752.686				1.651.752.686

Sst	Hạng mục công trình	Giá trị dự toán /hợp đồng /quyết toán	Chuyển tiếp từ năm 2015 sang năm 2016	Thực hiện từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Thực hiện từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Chuyển tiếp các năm sang năm 2018
7.	Trồng cây xanh cách ly khu TTĐV và đường chất thải rắn - giai đoạn I	424.173.665				424.173.665
8.	Trồng cây xanh đường N8, D7; đường N1, N2, N10, N4, N11, N12, N13, N14, D8, D9, D10, D11, D17	896.139.881				896.139.881
9.	Xây lắp hệ thống thông tin liên lạc - giai đoạn I (đường N8, D7, N1, N2, N4, N10, N11, N12, N13, N14, D8, D9, D10, D11, D17)	720.304.093				720.304.093
II.3	Các gói thầu tư vấn	577.439.200			213.839.000	363.600.200
	CỘNG (I+II)	80.115.655.729		2.456.700.000	17.126.665.582	60.112.640.147
	TỔNG CỘNG (A + B)	109.824.055.704	2.311.282.908	3.956.700.000	17.126.665.582	60.923.923.055

PHỤ LỤC 01
KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2018

(Đơn: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2017	Tỷ lệ %
A.	Tổng doanh thu	67.903	80.515	84,34
<i>1</i>	<i>DT bán hàng và dịch vụ</i>	<i>51.230</i>	<i>70.831</i>	<i>72,33</i>
	- Tiền thuê đất	3.759	9.791	38,39
	- Phí SDHT& quản lý	42.591	41.712	102,11
	- Bán nước sạch	11.399	11.331	100,60
	- Xử lý nước thải	3.441	4.624	74,42
	- Xử lý chất thải		3.073	0,00
	- Cho thuê văn phòng	300	300	100,00
<i>2</i>	<i>Thu nhập khác (DT hoạt động tài chính và thu nhập khác)</i>	<i>6.411</i>	<i>9.684</i>	<i>66,20</i>
B.	Tổng chi phí	45.620	52.321	87,19
<i>1</i>	<i>Giá vốn hàng bán</i>	<i>28.003</i>	<i>37.294</i>	<i>75,09</i>
	- Tiền thuê đất và hạ tầng	13.704	17.467	78,46
	- Giá vốn nước sạch	11.090	10.743	103,23
	- Giá vốn xử lý nước thải	3.209	4.176	76,84
	- Giá vốn xử lý chất thải		2.907	
<i>2</i>	<i>Chi phí tài chính</i>		-	
<i>3</i>	<i>Chi phí quản lý Doanh nghiệp</i>	<i>17.617</i>	<i>16.959</i>	<i>103,88</i>
<i>4</i>	<i>Chi phí khác</i>		68	
III	Lợi nhuận trước thuế	22.283	28.195	79,03
IV	Thuế TNDN	2.166	2.472	87,62
V	Lợi nhuận sau thuế	20.117	25.723	78,21
VI	Phân bổ lợi nhuận	20.117	25.723	78,21
<i>1</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>1.005</i>	<i>3.686</i>	<i>27,27</i>
<i>2</i>	<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	<i>2.208</i>	<i>2.142</i>	<i>103,08</i>
<i>3</i>	<i>Thưởng cho HĐQT & BKS (2%)</i>	<i>402</i>	<i>514</i>	<i>78,21</i>
<i>4</i>	<i>Thưởng cho Ban Điều hành (0,5%)</i>	<i>100</i>	<i>129</i>	<i>77,52</i>
VII	Phân phối cổ tức	16.400	16.400	100
VIII	Tỷ suất cổ tức/vốn điều lệ	20%	20%	100
IX	Lợi nhuận giữ lại chưa chia		8.050	
	- Các năm trước chuyển sang		5.199	
	- Năm 2017		2.851	

PHỤ LỤC 02
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2018

(Đơn vị: đồng)

Stt	Hạng mục công trình	Giá trị còn lại/vốn đầu tư	Giá trị thực hiện đầu tư	Nguồn vốn thực hiện	
				Vốn tự có	Vốn huy động khách hàng
A.	CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP CÁC NĂM SANG 2018	60.923.923.055	60.923.923.055	60.923.923.055	-
I.	KCN BÀU XÉO	4.963.840.886	4.963.840.886	4.963.840.886	
1	Thi công xây dựng & lắp đặt thiết bị công trình NMXLNT	811.282.908	811.282.908	811.282.908	
2	Tư vấn thiết kế, thẩm tra, giám sát, bảo hành	1.597.557.978	1.597.557.978	1.597.557.978	
3	Đường song hành bên phải QL1A (từ Cty Woosung đến đường số 9A): Giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải	2.555.000.000	2.555.000.000	2.555.000.000	
II.	KHU TTDV KCN BÀU XÉO	55.960.082.169	55.960.082.169	55.960.082.169	
1	Tư vấn đầu tư xây dựng	1.621.600.200	1.621.600.200	1.621.600.200	
2	Đường N8, D7: Giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải	14.586.000.000	14.586.000.000	14.586.000.000	
3	Đường N1, N2, N4, N10, N11, N12, N13, N14, D8, D9, D10, D11, D17: Giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải	11.140.350.000	11.140.350.000	11.140.350.000	
4	Điện trung thế - giai đoạn 1 (Đầu nối, đường dây, trạm 6, 8, 9), thiết bị trạm 6, 8, 9	6.572.524.785	6.572.524.785	6.572.524.785	
5	Điện hạ thế - giai đoạn 1 (trạm 8, 9)	3.923.421.083	3.923.421.083	3.923.421.083	
6	Cấp nước - giai đoạn 1	2.990.300.237	2.990.300.237	2.990.300.237	
7	Chiếu sáng - giai đoạn 1	2.747.538.376	2.747.538.376	2.747.538.376	
8	Via hè, hồ trồng cây - giai đoạn 1	8.685.977.163	8.685.977.163	8.685.977.163	
9	Công viên - CX2	1.651.752.686	1.651.752.686	1.651.752.686	
10	Cây xanh cách ly khu TTDV với Đường chất thải rắn - gđ1	424.173.665	424.173.665	424.173.665	
11	Cây xanh theo đường - giai đoạn 1	896.139.881	896.139.881	896.139.881	
12	Thông tin liên lạc - giai đoạn 1	720.304.093	720.304.093	720.304.093	
B.	C/TRÌNH TRIỂN KHAI NĂM 2018	141.039.744.221	137.434.744.221	124.307.617.881	13.127.126.340
I.	KCN BÀU XÉO	38.861.944.221	35.256.944.221	34.629.817.881	627.126.340
1	Tư vấn đầu tư xây dựng	300.000.000	300.000.000	300.000.000	
2	Đền bù giải phóng mặt bằng	16.000.000.000	16.000.000.000	16.000.000.000	
3	Đường số 1A: Thâm BTN lớp 2	1.350.000.000	1.350.000.000	1.350.000.000	
4	Đường số 2A-đoạn 2, 3A-đoạn 1, 4A-	2.700.000.000	2.700.000.000	2.700.000.000	

Stt	Hạng mục công trình	Giá trị còn lại/vốn đầu tư	Giá trị thực hiện đầu tư	Nguồn vốn thực hiện	
				Vốn tự có	Vốn huy động khách hàng
	đoạn 2: Thảm BTN lớp 2				
5	Đường song hành bên phải QL1A đoạn từ cổng Cty Woosung đến đường số 9A: Cây xanh	50.000.000	50.000.000	50.000.000	
6	Đường số 8A-đoạn 1, 2 (từ ĐS 3A đến ĐS 9A): Cây xanh	150.000.000	150.000.000	150.000.000	
7	Đường số 8A-đoạn 1, 2 (từ ĐS 3A đến ĐS 9A), 9A-đoạn 3: Cấp nước sạch	650.000.000	650.000.000	650.000.000	
8	Tường rào KCN Bàu Xéo 1 - đoạn 3	900.000.000	900.000.000	900.000.000	
9	Đường song hành bên phải QL1A đoạn từ cổng Cty Woosung đến đường số 9A: Chiếu sáng	390.000.000	390.000.000	390.000.000	
10	San nền KCN giai đoạn 3,4, một số diện tích thuộc giai đoạn 2 sau khi thu hồi được đất	4.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000	
11	Đường số 8A-đoạn 1 (từ ĐS 3A đến cọc H3): Giao thông (50%)	1.890.000.000	945.000.000	945.000.000	
12	Đường số 8A-đoạn 1 (từ ĐS 3A đến cọc H3): Chiếu sáng (50%)	420.000.000	210.000.000	210.000.000	
13	Đường số 3A - đoạn 2, 8A-đoạn 1: Thoát nước mưa, nước thải (50%)	4.900.000.000	2.450.000.000	2.450.000.000	
14	Thi công công trình đảm bảo an toàn giao thông	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	
15	Duy tu bảo dưỡng hạ tầng KCN, chăm sóc cây xanh, vệ sinh môi trường	2.234.817.881	2.234.817.881	2.234.817.881	
16	Di dời đường dây điện điều chỉnh quy hoạch chi tiết cục bộ đảo giao thông KCN	627.126.340	627.126.340	-	627.126.340
II.	KHU TTDV KCN BÀU XÉO	102.177.800.000	102.177.800.000	89.677.800.000	12.500.000.000
1	Tư vấn đầu tư xây dựng	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	
2	Thanh lý cây cao su - giai đoạn 2	12.100.000.000	12.100.000.000	12.100.000.000	
3	San nền - giai đoạn 2	8.555.000.000	8.555.000.000	8.555.000.000	
4	Đường N1, N2, N3, N4, D1, D2, D3, D4, D5, D6: Giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	
5	Đường N5, N6, N7, N14, N15, D5, D11, D15, D16: Giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	
6	Điện trung thế - giai đoạn 2 (đường dây, trạm 5,7), thiết bị trạm 5, 7	2.294.800.000	2.294.800.000	2.294.800.000	
7	Điện hạ thế - giai đoạn 2 (trạm 5, 6, 7)	5.634.000.000	5.634.000.000	5.634.000.000	
8	Cấp nước - giai đoạn 2	2.419.000.000	2.419.000.000	2.419.000.000	
9	Chiếu sáng - giai đoạn 2	2.105.000.000	2.105.000.000	2.105.000.000	
10.	Via hè - giai đoạn 2	4.962.000.000	4.962.000.000	4.962.000.000	

Stt	Hạng mục công trình	Giá trị còn lại/vốn đầu tư	Giá trị thực hiện đầu tư	Nguồn vốn thực hiện	
				Vốn tự có	Vốn huy động khách hàng
11.	Cây xanh cách ly, theo đường - giai đoạn 2	1.709.000.000	1.709.000.000	1.709.000.000	
12.	Công viên - CX3	2.523.000.000	2.523.000.000	2.523.000.000	
13.	Công viên - CX4	2.251.000.000	2.251.000.000	2.251.000.000	
14.	Thông tin liên lạc - giai đoạn 2	612.000.000	612.000.000	612.000.000	
15.	Thoát nước mưa, nước thải từ khu TTDV về KCN Bàu Xéo, trạm bơm NT	12.013.000.000	12.013.000.000	12.013.000.000	
16.	Xây dựng khu nhà chung cư cho công nhân: Hạ tầng, 1 block nhà chung cư (100%)	25.000.000.000	25.000.000.000	12.500.000.000	12.500.000.000
	TỔNG CỘNG	201.963.667.276	198.358.667.276	185.231.540.936	13.127.126.340